

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/KDTM
Ngày: 26 tháng 4 năm 2024
V/v : Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoài Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Bích Liên**

Bà **Dương Thị Diễm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương** - Thư
ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên Tòa: Bà **Đào
Linh Trang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình
xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số:
113/2024/TLST- KDTM ngày 11/10/2023 về vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1); Địa chỉ: B N,
phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn
Đình L - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: ông
Mai Xuân T - chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản; Người được
ủy quyền lại: bà Hồ Việt H - chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và T1 cấu trúc
tài sản; Người được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 17822/UQ-PVB ngày
09/8/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1): Ông Trần Hoàng Q - chức
vụ: Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ - Phòng quản lý khách hàng cá nhân K - Khối
Quản lý và Tái cấu trúc tài sản P1. (có mặt)

- **Bị đơn: Công ty cổ phần D;** Địa chỉ: Số D, ngách B, Ông Í, phường Đ,
quận B, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật bà Đoàn Thị Thanh T2 - Chức
vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu T3, sinh năm
1984. (theo văn bản ủy quyền số 0401/2024 ngày 05/01/2-24)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Tú A, sinh năm
1988; ĐKNKTT: 201-107 Tập thể B, L, quận Đ, thành phố Hà Nội - Chuyên viên
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Vắng mặt).

nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/04/2023, Công ty cổ phần D (do bà Đoàn Thị Thanh T2 làm Tổng Giám đốc và là đại diện theo Pháp luật) đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 với Ngân hàng TMCP Đ (P1) với nội dung cơ bản là Công ty cổ phần D sẽ đứng ra tổ chức, chuẩn bị, cung cấp các dịch vụ liên quan đến chương trình nghỉ mát cho Khối QL&TCTTS bao gồm đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt các bữa ăn, xe cộ di chuyển... Tổng giá trị của Hợp đồng là 1.172.794.480 đồng.

Theo nội dung hợp đồng, Công ty cổ phần D cử bà Trần Thùy L1 - Trưởng phòng Kinh doanh làm đầu mối xử lý trong việc triển khai Hợp đồng và đầu mối bên phía P1 là bà Bùi Thị Tú A - Chuyên viên cao cấp. Các lần giao dịch chuyển tiền và nhận tiền trong quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

- Ngày 22/03/2023: Do cần tiền đặt vé máy bay sớm để có giá vé rẻ, Công ty cổ phần D đã đề nghị Khối QL&TCTTS ứng trước 393.360.000 đồng để thanh toán tiền vé máy bay trước khi ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 ngày 02/4/2023 giữa Công ty cổ phần D (do bà Đoàn Thị Thanh T2 làm Tổng Giám đốc và là đại diện theo Pháp luật) với Ngân hàng TMCP Đ (P1) đại diện là bà Hồ Việt H phó giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản). Tuy nhiên, do thủ tục trình hồ sơ và giải ngân của P1 chưa xong nên bà Bùi Thị Tú A (chuyên viên Cao cấp của ngân hàng là đại diện đầu mối P1 để triển khai hợp đồng) đã tiến hành chuyển tiền tạm ứng trước từ tài khoản cá nhân khoản số 102000161988 của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân 19036930357011 của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6. Đây là số tiền tạm ứng trước từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A nhằm mua được vé máy bay giá rẻ. Vì vậy, Công ty cổ phần D cam kết ngay khi nhận được tiền của P1 chuyển khoản theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ, Công ty cổ phần D sẽ chuyển khoản lại cho bà Bùi Thị Tú A.

- Ngày 09/04/2023: Công ty cổ phần D tiếp tục đề nghị bà Bùi Thị Tú A ứng trước tiền đặt phòng khách sạn, tiền ăn uống... số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, bà Bùi Thị Tú A đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân khoản của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân 19036930357011 của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6.

- Ngày 13/04/2023: Sau khi được phê duyệt chi phí, P1 đã chuyển khoản số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 từ tài khoản số DDVND1286400010001 của P1 sang tài khoản số 226699998888 của Công ty cổ phần D mở tại M1.

- Ngày 18/04/2023: Do đã nhận được số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký. Công ty cổ phần D đã tiến hành chuyển khoản trả lại cho bà Bùi Thị Tú A tiền tạm ứng chi phí ban đầu số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân số 0021001607971 của Hoang Thu T4 mở tại V vào tài khoản cá nhân số 102000161988 của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

của Hợp đồng là 581.989.680 sang tài khoản số 226699998888 của Công ty cổ phần D mở tại M1.

- Ngày 06/06/2023: Công ty cổ phần D chuyển khoản trả lại cho P1 số tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 3.501.047 đồng từ tài khoản số 13322285325011 cá nhân của bà Trần Thùy L1 (là cán bộ đầu mối của Công ty cổ phần D, chức vụ Senior Sale M) mở tại ngân hàng T6 vào tài khoản số 102000161988 cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

- Ngày 07/06/2023: Công ty cổ phần D tiếp tục chuyển khoản trả lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 111.591.907 đồng từ tài khoản số 0021001607971 cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại T6 vào tài khoản số 102000161988 cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

Như vậy, tổng số tiền Khối QL&TSTTS và P1 chuyển khoản cho Công ty D là 1.761.349.680 đồng (bao gồm 1.167.989.680 đồng tiền thực tế nghiệm thu và 593.360.000 tiền 2 lần ứng trước) trừ đi tổng chi phí Khối QL&TCTTS đã sử dụng qua Công ty cổ phần D là 1.167.989.680 đồng thì Công ty D phải có trách nhiệm chuyển khoản trả lại cho Khối QL&TSTTS số tiền 593.360.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty cổ phần D mới chuyển khoản lại 315.092.954 đồng (3 đợt) vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A. Như vậy, Công ty cổ phần D còn phải thanh toán cho Khối QL&TSTTS số tiền 278.267.046 đồng nữa.

P1 đã nhiều lần liên lạc, đề nghị Công ty cổ phần D chuyển trả nốt số tiền 278.267.046 đồng cho Khối QL&TSTTS. Tuy nhiên, Công ty D không hợp tác, không chuyển trả tiền cho Khối QL&TSTTS. Qua tìm hiểu được biết, Tổng giám đốc – Đại diện theo Pháp luật của Công ty D là bà Đoàn Thị Thanh T2 đã tự ý chuyển số tiền 278.267.046 đồng nêu trên vào tài khoản cá nhân để chi tiêu, không trả cho Khối QL&TSTTS. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, để tránh những thiệt hại phát sinh từ tranh chấp trên, P1 kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình – TP Hà Nội giải quyết các yêu cầu sau: Buộc Công ty cổ phần D phải có nghĩa vụ trả cho P1 số tiền 278.267.046 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) còn lại theo đúng quy định của Pháp luật. Trong trường hợp Công ty cổ phần D không trả được ngay số tiền 278.267.046 đồng thì P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của Công ty cổ phần D để trả lại số tiền nêu trên cho P1.

Bà Nguyễn Thu T3 (đại diện cho Công ty cổ phần D) có xuất trình bản sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có từ ngày 12/4/2023 đến ngày 13/4/2023 có xác nhận của ngân hàng TMCP Q1 (M1) trong đó có chứng minh ngày 13/4/2023 Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 393.336.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999; và ngày 01/6/2023 Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 121.990.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999; là không có căn cứ vì P không biết bà Trịnh Thu H1 là ai vì trong Hợp đồng không có thỏa thuận giao dịch liên quan đến Trịnh Thu H1

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - Công ty cổ phần D do bà Nguyễn Thu T3 đại diện trình bày:**

Ngày 02/04/2023, Công ty cổ phần D (do bà Đoàn Thị Thanh T2 làm Tổng Giám đốc và là đại diện theo Pháp luật) đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 với Ngân hàng TMCP Đ (P1) với nội dung cơ bản là Công ty cổ phần D sẽ đứng ra tổ chức, chuẩn bị, cung cấp các dịch vụ liên quan đến chương trình nghỉ mát cho Khối QL&TCTTS bao gồm đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt các bữa ăn, xe cộ di chuyển... Tổng giá trị của Hợp đồng là 1.172.794.480 đồng.

- Ngày 22/03/2023: Do cần tiền đặt vé máy bay sớm để có giá vé rẻ, Công ty cổ phần D đã đề nghị Khối QL&TCTTS ứng trước 393.360.000 đồng để thanh toán tiền vé máy bay. Tuy nhiên, do thủ tục trình hồ sơ và giải ngân của P1 chưa xong nên bà Bùi Thị Tú A đã tiến hành chuyển tiền tạm ứng trước từ tài khoản cá nhân số 102000161988 của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân số 19036930357011 của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6. Đây là số tiền tạm ứng trước từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A nhằm mua được vé máy bay giá rẻ. Vì vậy, Công ty cổ phần D cam kết ngay khi nhận được tiền của P1 chuyển khoản theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ, Công ty D sẽ chuyển khoản lại cho P1.

- Ngày 09/04/2023: Công ty cổ phần D tiếp tục đề nghị P1 ứng trước tiền đặt phòng khách sạn, tiền ăn uống... số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, bà Bùi Thị Tú A đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân số 102000161988 của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân số 19036930357011 của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6 mở tại P1 sang tài khoản cá nhân số 19036930357011 của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6.

Tổng số tiền Công ty cổ phần D nhận của bà Bùi Thị Tú A (chuyển thay cho P1) là: 593.360.000 đồng.

- Ngày 13/04/2023: Sau khi được phê duyệt chi phí, P1 đã chuyển khoản số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 từ tài khoản số DDVND1286400010001 của P1 sang tài khoản số 226699998888 của Công ty cổ phần D mở tại M1.

- Ngày 23/05/2023: Căn cứ biên bản về việc nghiệm thu dịch vụ ký ngày 10/05/2023 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/05/2023, P1 đã tiến hành chuyển khoản nốt số tiền còn lại của Hợp đồng là 581.989.680 đồng từ tài khoản số DDVND1286400010001 của P1 sang tài khoản số 226699998888 của Công ty cổ phần D mở tại M1.

Tổng số tiền P1 đã chuyển từ tài khoản của P1 sang tài khoản của Công ty cổ phần D là 1.167.989.680 đồng.

Vậy, Tổng số tiền Công ty cổ phần D đã nhận của P1 4 đợt là 1.761.394.680 đồng.

- Ngày 13/4/2023, Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 393.336.000 đồng từ tài khoản công ty cổ phần D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999. (số tài khoản của bà Trịnh Thu H1 nêu trên là do bà Trần Thùy L1 cán bộ đầu mối của Công ty cổ phần D, chức vụ Senior Sale Manager của Công ty cổ phần du lịch TIMEGO cung cấp và đề nghị chuyển.

- Ngày 01/6/2023, Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 121.990.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999;

Như vậy, tổng số tiền Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 là 515.326.000 đồng.

Việc PVcomBak trình bày ở trên Công ty cổ phần D đã trả lại tổng số tiền 315.092.954 đồng cho P1 vào các ngày cụ thể:

+ Ngày 18/04/2023, Công ty D đã tiến hành chuyển khoản trả lại cho bà Bùi Thị Tú A tiền tạm ứng chi phí ban đầu số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân số 0021001607971 của Hoang Thu T4 mở tại V vào tài khoản cá nhân số 102000161988 của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

+ Ngày 06/06/2023: Công ty D chuyển khoản trả lại cho P1 số tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 3.501.047 đồng từ tài khoản số 13322285325011 cá nhân của bà Trần Thùy L1 (là cán bộ đầu mối của Công ty D, chức vụ Senior Sale M) mở tại ngân hàng T6 vào tài khoản số 102000161988 cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

+ Ngày 07/06/2023: Công ty D chuyển khoản trả lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 111.591.907 đồng từ tài khoản số 0021001607971 cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại T6 vào tài khoản số 102000161988 cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

Không đúng vì Công ty cổ phần D không trả số tiền 315.092.954 đồng cho P1.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của P1 yêu cầu Công ty cổ phần D trả lại số tiền 278.267.046 đồng cho P1 là không có căn cứ nên không đồng ý vì đã trả lại đầy đủ số tiền đặt cọc.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tú A trình bày:**

Ngày 02/04/2023, Công ty cổ phần D (do bà Đoàn Thị Thanh T2 làm Tổng Giám đốc và là đại diện theo Pháp luật) đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 với Ngân hàng TMCP Đ (P1) với nội dung cơ bản là Công ty D sẽ đứng ra tổ chức, chuẩn bị, cung cấp các dịch vụ liên quan đến chương trình nghỉ mát cho Khối QL&TCTTS bao gồm đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt các bữa ăn, xe cộ di chuyển...

Theo nội dung hợp đồng, P1 cử bà Bùi Thị Tú A làm đầu mối xử lý trong việc triển khai Hợp đồng và đầu mối bên phía Công ty cổ phần D là bà Trần Thùy L1. Các lần giao dịch chuyển tiền và nhận tiền trong quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

- Ngày 22/03/2023: Do cần tiền đặt vé máy bay sớm để có giá vé rẻ, Công ty cổ phần D đã đề nghị Khối QL&TCTTS ứng trước 393.360.000 đồng để thanh toán tiền vé máy bay. Tuy nhiên, do thủ tục trình hồ sơ và giải ngân của P1 chưa xong

bay giá rẻ. Vì vậy, Công ty cổ phần D cam kết ngay khi nhận được tiền của P1 chuyển khoản theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ, Công ty cổ phần D sẽ chuyển khoản lại cho tôi.

- Ngày 09/04/2023: Công ty cổ phần D tiếp tục đề nghị bà Bùi Thị Tú A ứng trước tiền đặt phòng khách sạn, tiền ăn uống... số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, bà Bùi Thị Tú A đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6.

- Ngày 13/04/2023: Sau khi được phê duyệt chi phí, P1 đã chuyển khoản số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 từ tài khoản P1 sang tài khoản của Công ty cổ phần D mở tại M1.

- Ngày 18/04/2023: Do đã nhận được số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký. Công ty cổ phần D đã tiến hành chuyển khoản lại cho bà Bùi Thị Tú A tiền tạm ứng chi phí ban đầu số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại V vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

- Ngày 23/05/2023: Căn cứ biên bản về việc nghiệm thu dịch vụ ký ngày 10/05/2023 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/05/2023, P1 đã tiến hành chuyển khoản nốt số tiền còn lại của Hợp đồng là 581.989.680 đồng từ tài khoản P1 sang tài khoản của Công ty cổ phần D mở tại M1.

- Ngày 06/06/2023: Công ty D chuyển khoản lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 3.501.047 đồng từ tài khoản cá nhân của bà Trần Thùy L1 mở tại T6 vào tài khoản cá nhân của tôi mở tại P1.

- Ngày 07/06/2023: Công ty cổ phần D tiếp tục chuyển khoản lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 111.591.907 đồng từ tài khoản cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại T6 vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

Như vậy, tổng số tiền Khối QL&TSTTS và P1 chuyển khoản cho Công ty cổ phần D là 1.761.349.680 đồng (bao gồm 1.167.989.680 đồng tiền thực tế nghiệm thu và 593.360.000 tiền 2 lần ứng trước) trừ đi tổng chi phí Khối QL&TCTTS đã sử dụng qua Công ty cổ phần D là 1.167.989.680 đồng thì Công ty D phải có trách nhiệm chuyển khoản trả lại cho Khối QL&TSTTS số tiền 593.360.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty cổ phần D mới chuyển khoản lại 315.092.954 đồng (3 đợt) vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A. Như vậy, Công ty cổ phần D còn phải thanh toán cho Khối QL&TSTTS số tiền 278.267.046 đồng nữa.

Bà Bùi Thị Tú A đã nhiều lần liên lạc, đề nghị bà Đoàn Thị Thanh T2 (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần D) chuyển trả nốt số tiền 278.267.046 đồng cho Khối QL&TSTTS. Tuy nhiên, bà Đoàn Thị Thanh T2 không hợp tác, trốn tránh, không chuyển trả tiền cho Khối QL&TSTTS. Qua tìm hiểu được biết, bà Đoàn Thị Thanh T2 đã tự ý chuyển số tiền 278.267.046 đồng nêu trên vào tài khoản cá nhân để chi tiêu, không trả cho Khối QL&TSTTS.

Tại các buổi làm việc bà Nguyễn Thu T3 (đại diện cho Công ty cổ phần D) có xuất trình bản sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có từ ngày 12/4/2023 đến ngày 13/4/2023 có xác nhận của ngân hàng TMCP Q1 (M1) trong đó có chứng minh ngày 13/4/2023 Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 393.336.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999; và ngày 01/6/2023 Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 121.990.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999 nội dung thanh toán trả lại tiền

dịch liên quan đến Trịnh Thu H1 nên không chấp nhận số tiền 515.326.000 đồng (393.336.000 đồng + 121.990.000 đồng) mà Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1; bà Bùi Thị Tú A không biết bà Trịnh Thu H1 là ai, cán bộ của P1 không có ai tên là Trịnh Thu H1, trợ lý của bà Hồ Việt H cũng không có ai tên như thế.

Do đó, bà Bùi Thị Tú A làm Bản tự khai để trình bày cho Quý T5 được biết. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của Pháp luật. Buộc Công ty cổ phần D phải thanh toán trả nốt số tiền 278.267.046 đồng cho Khối QL&TSTTS.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 02/04/2023, Công ty cổ phần D (do bà Đoàn Thị Thanh T2 làm Tổng Giám đốc và là đại diện theo Pháp luật) đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 với Ngân hàng TMCP Đ (P1) với nội dung cơ bản là Công ty D sẽ đứng ra tổ chức, chuẩn bị, cung cấp các dịch vụ liên quan đến chương trình nghỉ mát cho Khối QL&TCTTS bao gồm đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt các bữa ăn, xe cộ di chuyển... Tổng giá trị của Hợp đồng là 1.172.794.480 đồng

- Theo nội dung hợp đồng, Công ty cổ phần D cử bà Trần Thùy L1 - Trưởng phòng Kinh doanh làm đầu mối xử lý trong việc triển khai Hợp đồng và đầu mối bên phía P1 là bà Bùi Thị Tú A – Chuyên viên cao cấp. Các lần giao dịch chuyển tiền và nhận tiền trong quá trình thực hiện Hợp đồng như sau:

- Ngày 22/03/2023: Do cần tiền đặt vé máy bay sớm để có giá vé rẻ, Công ty D đã đề nghị Khối QL&TCTTS ứng trước 393.360.000 đồng để thanh toán tiền vé máy bay. Tuy nhiên, do thủ tục trình hồ sơ và giải ngân của P1 chưa xong nên bà Bùi Thị Tú A đã tiến hành chuyển tiền tạm ứng trước từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6. Đây là số tiền tạm ứng trước từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A nhằm mua được vé máy bay giá rẻ. Vì vậy, Công ty D cam kết ngay khi nhận được tiền của P1 chuyển khoản theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ, Công ty D sẽ chuyển khoản lại cho bà Bùi Thị Tú A.

- Ngày 09/04/2023: Công ty D tiếp tục đề nghị bà Bùi Thị Tú A ứng trước tiền đặt phòng khách sạn, tiền ăn uống... số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, bà Bùi Thị Tú A đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6.

- Ngày 13/04/2023: Sau khi được phê duyệt chi phí, P1 đã chuyển khoản số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 từ tài khoản P1 sang tài khoản của Công ty D mở tại M1

- Ngày 18/04/2023: Do đã nhận được số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký. Công ty D đã tiến hành chuyển khoản trả lại cho bà Bùi Thị Tú A tiền tạm ứng chi phí ban đầu số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của Hoàng Thu T4 mở tại V vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

- Ngày 23/05/2023: Căn cứ biên bản về việc nghiệm thu dịch vụ ký ngày 10/05/2023 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/05/2023, P1 đã tiến hành chuyển khoản nốt số tiền còn lại của Hợp đồng là 581.989.680 đồng từ tài khoản P1 sang tài khoản của Công ty D mở tại M1

- Ngày 07/06/2023: Công ty D tiếp tục chuyển khoản trả lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 111.591.907 đồng từ tài khoản cá nhân của Hoàng Thu T4 mở tại T6 vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1.

Như vậy, tổng số tiền Khối QL&TSTTS và P1 chuyển khoản cho Công ty D là 1.761.349.680 đồng (bao gồm 1.167.989.680 đồng tiền thực tế nghiệm thu và 593.360.000 tiền 2 lần ứng trước) trừ đi tổng chi phí Khối QL&TCTTS đã sử dụng qua Công ty D là 1.167.989.680 đồng thì Công ty D phải có trách nhiệm chuyển khoản trả lại cho Khối QL&TSTTS số tiền 593.360.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty D mới chuyển khoản lại 315.092.954 đồng (3 đợt) vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A. Như vậy, Công ty D còn phải thanh toán cho Khối QL&TSTTS số tiền 278.267.046 đồng nữa.

P1 đã nhiều lần liên lạc, đề nghị Công ty D chuyển trả nốt số tiền 278.267.046 đồng cho Khối QL&TSTTS. Tuy nhiên, Công ty D không hợp tác, không chuyển trả tiền cho Khối QL&TSTTS. Qua tìm hiểu được biết, Tổng giám đốc - Đại diện theo Pháp luật của Công ty D là bà Đoàn Thị Thanh T2 đã tự ý chuyển số tiền 278.267.046 đồng nêu trên vào tài khoản cá nhân để chi tiêu, không trả cho Khối QL&TSTTS.

Việc bà Nguyễn Thu T3 (đại diện cho Công ty cổ phần D) có xuất trình bản sổ phụ chi tiết kiểm báo nợ/báo có từ ngày 12/4/2023 đến ngày 13/4/2023 có xác nhận của ngân hàng TMCP Q1 (M1) trong đó có chứng minh ngày 13/4/2023 Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 393.336.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999; và ngày 01/6/2023 Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 121.990.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999 là không có căn cứ vì P1 không biết bà Trịnh Thu H1 là ai vì trong Hợp đồng không có thỏa thuận giao dịch liên quan đến Trịnh Thu H1 nên không chấp nhận số tiền 515.326.000 đồng (393.336.000 đồng + 121.990.000 đồng) mà Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1, cán bộ của P1 không có ai tên là Trịnh Thu H1, trợ lý của bà Hồ Việt H cũng không có ai tên như thế.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc Công ty cổ phần D phải có nghĩa vụ trả cho P1 số tiền 278.267.046 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) còn lại theo đúng quy định của Pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và P1 có đơn yêu cầu thi hành án thì công ty D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại điều 357, Điều 469 Bộ Luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty cổ phần D, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty cổ phần D vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Tú A xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án:

- Ngân hàng TMCP Đ (P1) và Công ty CP D ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 dựa trên ý chí tự nguyện thỏa thuận của hai bên, hình thức và trình tự ký kết hợp đồng tuân theo các quy định của pháp luật, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên có giá trị thực hiện.

Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 ngày 02/4/2023, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/5/2023 cùng các tài liệu có trong hồ sơ thì Ngân hàng P1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, thanh toán đúng theo thỏa thuận đã ký kết và đề nghị của Công ty CP D tổng số tiền là 1.167.989.680 đồng.

Theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng, bà Bùi Thị Tú A là đại diện của P1 làm việc liên quan đến thực hiện hợp đồng với bà Trần Thùy L1 là nhân viên của Công ty D. Vì vậy, trước khi ký kết Hợp đồng chính thức, bà Bùi Thị Tú A đã đại diện cho P1 thực hiện việc tạm ứng tiền, chuyển tiền từ tài khoản cá nhân của bà Tú A đến tài khoản của bà Đoàn Thị Thanh T2 (Tổng Giám đốc Công ty CP D) để đặt mua vé máy bay giá rẻ. Cụ thể, bà Tú A đã chuyển khoản cho bà T2 02 lần vào các ngày 22/3/2023 và 09/4/2023 với tổng số tiền tạm ứng là 593.360.000 đồng. Đến nay, Công ty D chỉ mới trả cho P1 315.092.954 triệu đồng, còn nợ 278.267.046 đồng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng P1 buộc Công ty cổ phần D phải có nghĩa vụ trả cho P1 số tiền 278.267.046 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 74 Luật thương mại, Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với trình bày của Bị đơn về việc Công ty D không trả lại tổng số tiền 315.092.954 đồng cho P1 vào các ngày 18/4/2023, 06/6/2023 và 07/6/2023. Nhận thấy, theo chứng từ giao dịch ngày 18/4/2023, tài khoản của bà Bùi Thị Tú A nhận được số tiền 200.000.000 đồng với nội dung “Timego hoan” từ tài khoản tên “Hoang Thu T4”. Ngày 06/6/2023, bà Bùi Thị Tú A nhận được số tiền 3.501.047 đồng từ tài khoản “Tran Thuy L2” với nội dung “chuyen hoan”. Ngày 07/6/2023, bà Bùi Thị Tú A tiếp tục nhận được số tiền 111.591.907 với nội dung “Hoan” từ tài khoản “Hoang Thu Thuy”. Như vậy, các nội dung đều liên quan đến việc Công ty D hoàn tiền cho bà Tú A. Ngoài ra, bị đơn trình bày đã chuyển khoản từ tài khoản T6 của bà Đoàn Thị Thanh T2 số tiền 121.990.000 đồng vào ngày 01/6/2023 tới tài khoản tên Trịnh Thu H1 (là trợ lý của bà Hồ Việt H theo hướng dẫn của nhân viên Trần Thùy L1) với nội dung “Timego tra lai tien ung 200tr da tru tour Cam”. Tuy nhiên, không có căn cứ về việc số tiền này là chuyển hoàn cho

Thu H1. Bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh bà Trịnh Thu H1 là ai, có liên quan gì đến P1 và việc thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HDDV-TIMEGO/2023. Vì vậy, không có căn cứ để cho rằng Bị đơn đã trả lại đầy đủ tiền đặt cọc cho Bị đơn.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Công ty cổ phần D trả cho Ngân hàng P1 số tiền 278.267.046 đồng. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1) khởi kiện Công ty cổ phần D đối với “Hợp đồng cung cấp dịch vụ” về việc tổ chức dịch vụ du lịch; đây là tranh chấp giữa hai doanh nghiệp cùng có tư cách pháp nhân có mục đích lợi nhuận nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án: Theo công văn số 4884/CCTT-ĐKKD ngày 11 tháng 12 năm 2023 của sở K1 - Phòng đăng ký kinh doanh cung cấp: Công ty cổ phần D có mã số doanh nghiệp: 0110257819. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 21/2/2023. Địa chỉ trụ sở: Số D, ngách B, Ông Í, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật bà Đoàn Thị Thanh T2 - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đến thời điểm hiện tại, doanh nghiệp chưa đăng ký thủ tục giải thể, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp; Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 02/4/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1) ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HDDV-Timego/2023 với Công ty cổ phần D để cung cấp dịch vụ tổ chức dịch vụ du lịch; Ngày 01/10/2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận Ba Đình. Do đây là tranh chấp kinh doanh thương mại nên áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

lệ đến lần thứ 2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không lý do.; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Tú A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Đối với yêu cầu: Buộc Công ty cổ phần D phải có nghĩa vụ trả cho P1 số tiền 278.267.046 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) còn lại theo đúng quy định của Pháp luật.

Ngày 02/04/2023, Công ty cổ phần D (do bà Đoàn Thị Thanh T2 làm Tổng Giám đốc và là đại diện theo Pháp luật) đã ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 với Ngân hàng TMCP Đ (P1) với nội dung cơ bản là Công ty D sẽ đứng ra tổ chức, chuẩn bị, cung cấp các dịch vụ liên quan đến chương trình nghỉ mát cho Khối QL&TCTTS bao gồm đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt các bữa ăn, xe cộ di chuyển... Tổng giá trị của Hợp đồng là 1.172.794.480 đồng;

Tại Điều 8: Điều khoản đầu mối trong việc triển khai hợp đồng.8.1 có nội dung: " P1 sẽ cử người đại diện để làm việc với TIMEGO cho các công việc nằm trong việc vận hành của Hợp đồng này cụ thể như sau:... Liên quan đến việc thực hiện hợp đồng; Đại diện Bùi Thị Tú A - Chuyên viên cao cấp...Người đại diện của P1 là đầu mối liên hệ và cũng như giải quyết các vấn đề nằm trong khuôn khổ của hợp đồng được ký kết giữa hai bên. Trong trường hợp có phát sinh ngoài ngoài khuôn khổ quy định của hợp đồng thì phải thông báo trực tiếp cho cấp có thẩm quyền là đại diện ký hợp đồng của P1 giải quyết...; *8.2 TIMEGO sẽ cử người đại diện của TIMEGO để làm việc với P1 cho các công việc vận hành của hợp đồng này cụ thể như sau: Liên quan đến thực hiện hợp đồng, Liên quan đến việc thanh toán hợp đồng; Đại diện Trần Thùy L1; chức vị Senior Sale M...Người đại diện của TIMEGO là đầu mối liên hệ và cũng như giải quyết các vấn đề nằm trong khuôn khổ của hợp đồng được ký kết giữa hai bên...

Xét thấy, Trước khi ký kết Hợp đồng chính thức, bà Bùi Thị Tú A đã đại diện cho P1 thực hiện việc tạm ứng tiền, đặt cọc chuyển tiền từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A đến tài khoản của bà Đoàn Thị Thanh T2 (Tổng Giám đốc Công ty CP D) để đặt mua vé máy bay giá rẻ. Cụ thể:

- Ngày 22/03/2023: Do cần tiền đặt vé máy bay sớm để có giá vé rẻ, Công ty D đã đề nghị Khối QL&TCTTS ứng trước 393.360.000 đồng để thanh toán tiền vé máy bay nên bà Bùi Thị Tú A đã tiến hành chuyển tiền tạm ứng trước từ tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 sang tài khoản cá nhân của bà Đoàn Thị Thanh T2 mở tại T6.

- Ngày 09/04/2023: Công ty D tiếp tục đề nghị bà Bùi Thị Tú A ứng trước tiền đặt phòng khách sạn, tiền ăn uống... số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, bà Bùi Thị

như sau:

- Ngày 13/04/2023: P1 đã chuyển khoản số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 từ tài khoản P1 sang tài khoản của Công ty D mở tại M1

- Ngày 18/04/2023: Công ty D đã tiến hành chuyển khoản trả lại cho bà Bùi Thị Tú A tiền tạm ứng chi phí ban đầu số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại V vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 với nội dung “Timego hoan”.

- Ngày 23/05/2023: Căn cứ biên bản về việc nghiệm thu dịch vụ ký ngày 10/05/2023 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/05/2023, P1 đã tiến hành chuyển khoản nốt số tiền còn lại của Hợp đồng là 581.989.680 đồng từ tài khoản P1 sang tài khoản của Công ty D mở tại M1

- Ngày 06/06/2023: Công ty D chuyển khoản trả lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 3.501.047 đồng từ tài khoản cá nhân của bà Trần Thùy L1 mở tại T6 vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1 với nội dung “chuyen hoan”.

- Ngày 07/06/2023: Công ty D chuyển khoản trả lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 111.591.907 đồng từ tài khoản cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại T6 vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A với nội dung “hoan”.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận Khối QL&TSTTS và P1 đã chuyển khoản cho Công ty D là 1.761.349.680 đồng (bao gồm 1.167.989.680 đồng tiền thực tế nghiệm thu và 593.360.000 tiền 2 lần ứng, đặt cọc trước).

Do vậy, Căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 ngày 02/4/2023, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/5/2023, các giao dịch chuyển tiền và nhận tiền giữa Ngân hàng P1 và Công ty CP D thì P1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, thanh toán đúng theo thỏa thuận đã ký kết và đề nghị của Công ty CP D tổng số tiền là 1.167.989.680 đồng; Tổng số tiền Khối QL&TSTTS và P1 chuyển khoản cho Công ty D là 1.761.349.680 đồng (bao gồm 1.167.989.680 đồng tiền thực tế nghiệm thu và 593.360.000 tiền 2 lần ứng trước) trừ đi tổng chi phí Khối QL&TCTTS đã sử dụng qua Công ty D là 1.167.989.680 đồng thì Công ty D phải có trách nhiệm chuyển khoản trả lại cho Khối QL&TSTTS số tiền 593.360.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty D mới chuyển khoản lại 315.092.954 đồng (3 đợt) vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A. Như vậy, Công ty D còn phải thanh toán cho Khối QL&TSTTS số tiền 278.267.046 đồng nữa nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng P1 buộc Công ty cổ phần D phải có nghĩa vụ trả cho P1 số tiền 278.267.046 đồng mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1) ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HDDV-Timego/2023 với Công ty cổ phần D để cung cấp dịch vụ tổ chức dịch vụ du lịch là có căn cứ theo quy định tại Điều 74 Luật thương mại, Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5.2] Đối với yêu cầu: Công ty cổ phần D không trả số tiền 315.092.954 đồng cho P1 vào các ngày 18/4/2023, 06/6/2023 và 07/6/2023. Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 là 515.326.000 đồng.

Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023 ngày 02/04/2023, Công ty cổ phần D đã ký với Ngân hàng TMCP Đ (P1) với nội dung cơ bản là Công ty D sẽ đứng ra tổ chức, chuẩn bị, cung cấp các dịch vụ liên quan đến chương trình nghỉ mát cho Khối QL&TCTTS bao gồm đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt các bữa ăn, xe cộ di chuyển... Tổng giá trị của Hợp đồng là 1.172.794.480 đồng; Nhận thấy, trước khi ký kết Hợp đồng chính thức, bà Bùi

hiện bà Bùi Thị Tú A đã chuyển khoản cho Đoàn Thị Thanh T2 số tiền tạm ứng là 593.360.000 đồng, cụ thể: Ngày 22/3/2023, bà Bùi Thị Tú A đã chuyển khoản tiền tạm ứng cho bà Đoàn Thị Thanh T2 tại ngân hàng T6 với số tiền 393.360.000 đồng với nội dung diễn giải " P1 ck tiền vé máy bay 163888"; Ngày 09/4/2023, bà Bùi Thị Tú A đã chuyển khoản tiền tạm ứng cho bà Đoàn Thị Thanh T2 tại ngân hàng T6 với tổng số tiền 200.000.000 đồng với nội dung diễn giải "" P1 chuyển khoản dat coc tour Hue lan B- 862889"; Và sau khi Ký hợp đồng P1 đã giao dịch chuyển tiền 1.172.000 đồng cho Công ty cổ phần D cụ thể như sau: Ngày 13/04/2023: P1 đã chuyển khoản số tiền 586.000.000 đồng theo đúng Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HDDV-TIMEGO/2023 từ tài khoản P1 sang tài khoản của Công ty D mở tại M1; Ngày 23/05/2023, P1 đã chuyển khoản số tiền 581.989.680 đồng;

Đến ngày 18/4/2023, Công ty D đã tiến hành chuyển khoản trả lại cho bà Bùi Thị Tú A tiền tạm ứng chi phí ban đầu số tiền 200.000.000 đồng với nội dung "Timego hoan" từ tài khoản cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại V vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A mở tại P1; Ngày 06/06/2023: Công ty D chuyển khoản trả lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 3.501.047 đồng từ tài khoản cá nhân của bà Trần Thùy L1 mở tại T6 với nội dung "chuyen hoan"; Ngày 07/06/2023: Công ty D tiếp tục chuyển khoản trả lại tiền tạm ứng cho bà Bùi Thị Tú A số tiền 111.591.907 đồng từ tài khoản cá nhân của Hoang Thu T4 mở tại T6 vào tài khoản cá nhân của bà Bùi Thị Tú A với nội dung "Hoan".

Căn cứ theo điều 8 của Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HDDV-Timego/2023 thì: " Điều khoản đầu mỗi trong việc triển khai hợp đồng.8.1 có nội dung: " P1 sẽ cử người đại diện để làm việc với TIMEGO cho các công việc nằm trong việc vận hành của Hợp đồng này cụ thể như sau:... Liên quan đến việc thực hiện hợp đồng; Đại diện Bùi Thị Tú A - Chuyên viên cao cấp...Người đại diện của P1 là đầu mối liên hệ và cũng như giải quyết các vấn đề nằm trong khuôn khổ của hợp đồng được ký kết giữa hai bên. Trong trường hợp có phát sinh ngoài ngoài khuôn khổ quy định của hợp đồng thì phải thông báo trực tiếp cho cấp có thẩm quyền là đại diện ký hợp đồng của P1 giải quyết...; *8.2 TIMEGO sẽ cử người đại diện của TIMEGO để làm việc với P1 cho các công việc vận hành của hợp đồng này cụ thể như sau: Liên quan đến thực hiện hợp đồng, Liên quan đến việc thanh toán hợp đồng; Đại diện Trần Thùy L1; chức vị Senior Sale M...Người đại diện của TIMEGO là đầu mối liên hệ và cũng như giải quyết các vấn đề nằm trong khuôn khổ của hợp đồng được ký kết giữa hai bên... hợp đồng Tại Điều 8: Điều khoản đầu mỗi trong việc triển khai hợp đồng."

Xét thấy, các nội dung Giao dịch đều liên quan đến việc Công ty D hoàn tiền cho bà Bùi Thị Tú A số tiền, tổng số tiền hoàn trả là 315.092.954 đồng; Việc bị đơn trình bày: tổng số tiền Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 là 515.326.000 đồng cụ thể: Ngày 13/4/2023, Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 393.336.000 đồng từ tài khoản công ty cổ phần D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999; Ngày 01/6/2023, Công ty cổ phần D đã trả lại cho P1 số tiền 121.990.000 đồng từ tài khoản công ty D mở tại ngân hàng TMCP Q1 (M1) cho bà Trịnh Thu Hằng s tài khoản 6867779999 là không có căn cứ về việc số tiền này là chuyển hoàn cho khoản tạm ứng mà bà Bùi Thị Tú A đã thanh toán trước đó; Tại biên lấy lời khai của bà bà Hồ Việt H là

không có ai tên là Trịnh Thu H1...". Bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh bà Trịnh Thu H1 là ai, có liên quan gì đến P1 và việc thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 220323/HĐDV-TIMEGO/2023. Do vậy, không có căn cứ Công ty cổ phần D đã trả lại đầy đủ tiền tạm ứng, đặt cọc cho P1 nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P1. Buộc Công ty cổ phần D trả cho Ngân hàng P1 số tiền 278.267.046 đồng. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Bác các yêu cầu khác của đương sự.

[6]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Công ty cổ phần D phải nộp án phí KDTM-ST; Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 146; Điều 147; khoản 2 Điều 244 ; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 468; Điều 513 Bộ Luật Dân Sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 2; Điều 3; Điều 4; Đ6; Điều 74 Luật Thương mại
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1) về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

2. Buộc Công ty cổ phần D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1) số tiền 278.267.046 đồng.

Kể từ ngày 02/4/2024, trường hợp Công ty cổ phần D chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ thì hàng tháng Công ty cổ phần D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần D phải chịu 13.913.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Nguyên đơn (có mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án;

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Cẩm Hà